

KẾ HOẠCH
Phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn
năm 2026, tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Quyết định số 237/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Mã mùa cạn năm 2026; đề chủ động trong công tác phòng, chống, đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sinh hoạt trên địa bàn tỉnh và trên cơ sở nội dung báo cáo, đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 324/TTr-SNNMT ngày 02/3/2026, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn năm 2026, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Chủ động ứng phó với hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thời tiết ngày càng diễn biến phức tạp, mực nước sông, suối xuống thấp và việc các hồ chứa trên dòng chính lưu vực sông Mã phía nước bạn Lào đã đưa vào vận hành; bảo đảm đủ nguồn nước ngọt phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

Tiếp tục phát huy tính chủ động, tích cực của các ngành, các cấp và nhân dân trong sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; triển khai đồng bộ, kịp thời các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế.

II. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, NGUỒN NƯỚC VÀ DỰ BÁO NĂM 2026

1. Xu thế thời tiết; xu thế diễn biến lượng mưa, dòng chảy; nhận định trạng thái của nguồn nước theo Kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Mã mùa cạn năm 2026

Từ tháng 01-6/2026, nhiệt độ phổ biến ở mức xấp xỉ so với trung bình nhiều năm (TBNN) cùng kỳ. Nắng nóng có khả năng xuất hiện từ khoảng tháng 3, gia tăng từ tháng 4-6, cao điểm là các tháng 5, 6; cường độ nắng nóng có khả năng tương đương TBNN.

Tổng lượng mưa các tháng đầu năm phổ biến xấp xỉ TBNN, trong đó tháng 3-5/2026 cao hơn khoảng 5-15%, tháng 6/2026 phổ biến thấp hơn

khoảng 5-15%. Dòng chảy trên sông Mã tại hồ Trung Sơn thấp hơn trung bình cùng kỳ từ 9-22% từ tháng 01-5/2026 và cao hơn trung bình cùng kỳ khoảng 10% trong tháng 6/2026; trên sông Chu tại hồ Hủa Na có xu thế cao hơn khoảng 6-41% so với trung bình cùng kỳ (cao nhất tháng 5/2026).

Đến ngày 01/01/2026, tổng lượng nước tích trong 03 hồ chứa lớn (Cửa Đạt, Hủa Na, Trung Sơn) được 1,96 tỷ m³, đạt 96% dung tích thiết kế, cao hơn trung bình cùng kỳ năm 2017-2025 là 17%; dung tích trữ của các hồ thủy lợi trên 1 triệu m³ cơ bản đạt trên 86% dung tích thiết kế, riêng các hồ Chòm Mọ đạt 53%, hồ Cánh Chim đạt 64%, hồ Bến Quân đạt 73%.

Nhận định khả năng nguồn nước trên lưu vực sông Mã trong mùa cạn năm 2026 ở “Trạng thái bình thường”, nguồn nước về hồ Hủa Na, Cửa Đạt, Trung Sơn cơ bản đáp ứng được các nhu cầu sử dụng nước trong mùa cạn từ tháng 01-6/2026, khả năng không xảy ra tình trạng thiếu nước diện rộng; tuy nhiên, trong các tháng cuối mùa cạn (tháng 4-6/2026) một số vùng vẫn còn có nguy cơ xuất hiện tình trạng thiếu nước mang tính cục bộ, bên cạnh nguyên nhân do thiếu hụt lượng mưa, lượng dòng chảy, năng lực lấy nước và số lượng của các công trình khai thác, công trình thủy lợi còn thiếu, chưa đồng bộ.

2. Dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Thanh Hóa

Từ tháng 3-5/2026, tổng lượng mưa phổ biến từ 200-400 mm, có nơi trên 400 mm, xấp xỉ cao hơn so với TBNN; nhiệt độ không khí trung bình ở mức xấp xỉ đến cao hơn so với TBNN; nắng nóng đầu mùa có thể xảy ra vào tháng 4, xấp xỉ so với TBNN (trong tháng 4 nắng nóng chủ yếu xảy ra ở khu vực vùng núi, tháng 5 nắng nóng có xu hướng mở rộng ra nhiều nơi trên địa bàn tỉnh); mực nước trên các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống thấp dần và ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ; lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm thủy văn Mường Lát có khả năng ở mức cao hơn so với TBNN cùng kỳ từ 7-29%, tại trạm thủy văn Cẩm Thủy ở mức cao hơn so với TBNN cùng kỳ từ 2-24%, trên sông Chu tại trạm thủy văn Cửa Đạt có khả năng ở mức xấp xỉ đến cao hơn so với TBNN cùng kỳ là 14%; thủy triều dao động trong khu vực ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng kỳ, trong tháng 4-5/2026 cần chú ý khả năng xâm nhập mặn vào sâu nội đồng trong thời kỳ triều cường ảnh hưởng đến hoạt động lấy nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và hệ sinh thái trong khu vực.

3. Hiện trạng tích nước của các hồ chứa

Đến ngày 11/3/2026, trên địa bàn tỉnh có 592/610 hồ chứa cơ bản đảm bảo phục vụ sản xuất, còn lại 18 hồ chứa chưa đảm bảo nguồn nước phục vụ tưới trong suốt vụ; trong đó, mực nước 03 hồ chứa lớn (Cửa Đạt, Sông Mực, Yên Mỹ), như sau: (i) hồ Cửa Đạt (+101.92) m, thấp hơn mực nước dâng bình thường (MNDBT) 8,08 m và cao hơn so với cùng kỳ năm 2025 là 6,6 m; (ii) hồ Sông Mực (+31.95) m, thấp hơn MNDBT 1,05 m và cao hơn so với cùng kỳ năm 2025 là 2,21 m; (iii) hồ Yên Mỹ (+17.72) m, thấp hơn MNDBT 2,64 m và cao hơn so với cùng kỳ năm 2025 là 0,1 m.

III. NHẬN ĐỊNH KHẢ NĂNG XẢY RA THIẾU NƯỚC, HẠN HÁN, XÂM NHẬP MẶN

1. Đối với cấp nước cho sinh hoạt

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 56 công trình cấp nước sạch tập trung với công suất khoảng 420.889 m³/ngày đêm và 516 công trình cấp nước tự chảy miền núi với công suất khoảng 36.996 m³/ngày đêm (trong đó, có 333 công trình kém bền vững và 183 công trình không hoạt động). Qua theo dõi hàng năm, trong trường hợp nắng nóng kéo dài, mực nước các sông xuống thấp, dòng chảy thiếu hụt trên địa bàn tỉnh, có thể chịu ảnh hưởng của thiếu nước, xâm nhập mặn đến việc cấp nước sinh hoạt như sau:

- Về ảnh hưởng của thiếu nước, xâm nhập mặn: Chủ yếu là thuộc vùng Bắc sông Mã tập trung ở khu vực ven biển và phường Hàm Rồng, có các công trình cấp nước bị ảnh hưởng chủ yếu là các công trình cấp nước sạch lấy nguồn nước thô từ hạ lưu sông Mã, sông Lèn, sông Hoạt, kênh De... như: nhà máy nước Hàm Rồng; hệ thống cấp nước sinh hoạt cho thị trấn Hậu Lộc và một số xã lân cận; nhà máy nước sinh hoạt xã Ngự Lộc; công trình cấp nước sạch 07 xã, huyện Hậu Lộc; nhà máy nước sạch Bắc Nga Sơn; nhà máy nước Nam Nga Sơn; nhà máy nước sạch 09 xã huyện Nga Sơn.... Đây là những khu vực có nhu cầu sử dụng nước sạch cao do dân cư đông đúc và tập trung nhiều hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Về ảnh hưởng của thiếu nguồn: Tập trung chủ yếu ở khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, chưa thu hút được đầu tư các công trình cấp nước sạch tập trung, chưa chủ động về nguồn nước (thiếu công trình chuyển nước và công trình khai thác nước tại chỗ), cụ thể:

- + Đối với khu vực miền núi thấp¹, là khu vực giao giữa vùng miền núi cao và vùng đồng bằng, địa hình có nhiều đồi, núi thấp, độ dốc nhỏ và xen lẫn đồng bằng, trung du. Hàng năm, vào các tháng mùa khô (từ tháng 11 đến tháng 4 của năm sau) thường xuyên xảy ra thiếu nước sinh hoạt do mực nước sông, suối hạ thấp.

- + Đối với vùng núi cao, đặc biệt khó khăn², đây là vùng đặc thù có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, dân cư sống rải rác, các công trình cấp nước tự chảy được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ có quy mô thôn/bản, các công trình này sau một thời gian hoạt động, phần lớn bị hư hỏng, xuống cấp, ngừng hoạt động hoặc chưa có công trình cấp nước, phụ thuộc lớn vào nguồn nước sông, suối, các mỏ nước phía thượng nguồn....

¹ Gồm các xã: Xuân Du, Xuân Thái, Thanh Kỳ, Vân Du, Thạch Bình, Thành Vinh, Thạch Quảng, Cẩm Thạch, Cẩm Tú, Ngọc Liên, Kiên Thọ.

² Gồm các xã: Bát Mọt, Yên Nhân, Lương Sơn, Luận Thành, Tân Thành, Vạn Xuân, Thắng Lộc, Xuân Chinh, Linh Sơn, Đồng Lương, Văn Phú, Giao An, Yên Khương, Yên Thắng, Văn Nho, Thiết Ống, Bá Thước, Cổ Lũng, Pù Luông, Diên Lư, Quý Lương, Hồi Xuân, Nam Xuân, Thiên Phú, Hiền Kiệt, Phú Xuân, Phú Lê, Trung Thành, Trung Sơn, Na Mèo, Sơn Thủy, Sơn Điện, Mường Mìn, Tam Thanh, Tam Lư, Quan Sơn, Trung Hạ, Mường Chanh, Quang Chiêu, Tam Chung, Pù Nhi, Nhi Sơn, Mường Lý, Trung Lý.

2. Đối với cấp nước cho sản xuất nông nghiệp

Với đặc điểm phân bố nguồn nước không đều, nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng cả về chất lượng và số lượng; trường hợp nắng nóng kéo dài trên diện rộng, diện tích có nguy cơ bị thiếu nước, hạn hán, xâm nhập mặn khoảng từ 14.000-15.000 ha, trong đó diện tích có khả năng xảy ra hạn ảnh hưởng đến năng suất cây trồng từ 8.600-9.800 ha tập trung ở các khu vực, cụ thể:

- Vùng cấp nước từ các hồ, đập, công trình thủy lợi khác với diện tích 5.500-6.700 ha, trong đó:

+ Vùng cấp nước từ các hồ, đập lớn với diện tích có khả năng xảy ra thiếu nước, hạn hán ảnh hưởng đến năng suất từ 3.500-4.300 ha, tập trung chủ yếu ở khu vực đuôi kênh của các hệ thống kênh lấy nước từ hồ Cửa Đạt (hệ thống Bái Thượng, hệ thống Bắc sông Chu-Nam sông Mã), hồ Sông Mực, hồ Yên Mỹ, gồm 51 xã, phường³.

(Có phụ lục 1 đính kèm).

+ Vùng cấp nước từ các hồ, đập, công trình thủy lợi nhỏ với diện tích có khả năng xảy ra thiếu nước, hạn hán ảnh hưởng đến năng suất từ 2.000-2.400 ha, tập trung chủ yếu ở khu vực trung du, miền núi thuộc các vùng Nam sông Chu, Bắc sông Mã, hạ du sông Bưởi và một số vùng thừa nước nhưng thiếu các công trình tích, trữ nước; nhiều công trình bị hư hỏng, xuống cấp không trữ được nước.

(Có phụ lục 2 đính kèm).

- Vùng cấp nước từ các trạm bơm điện với diện tích khoảng 3.100 ha có khả năng ảnh hưởng đến năng suất cây trồng, trong đó:

+ Vùng ven biển, ảnh hưởng thủy triều với diện tích có khả năng bị ảnh hưởng bởi thiếu nước, xâm nhập mặn khoảng 2.000 ha, chủ yếu ở các xã, phường khu vực ven biển và các phường Hạc Thành, Hàm Rồng, Nguyệt Viên thuộc vùng Nam sông Chu, Bắc sông Mã. Đây là vùng các trạm bơm lấy nước từ hạ lưu sông Mã, sông Lèn, sông Hoạt, kênh De, sông Yên... với khoảng 54 trạm bơm bị ảnh hưởng mặn và các trạm bơm lấy nước hồi quy, tạo nguồn từ các kênh tiêu, trục tiêu (kênh Hưng Long, sông Đơ, sông Quảng Châu...), các trạm bơm nội đồng. Hàng năm, khi nắng nóng kéo dài, mực nước sông xuống thấp, độ mặn 1‰ vùng cửa sông, ven biển duy trì ở mức cao và lấn sâu vào nội địa từ 18-24 km; các trạm bơm không lấy được nước và nếu có lấy được nước thì thời gian lấy nước ngắn khoảng từ 4-6 giờ, gây khó khăn cho việc cấp nước phục vụ sản xuất, các đơn vị vận hành phải theo dõi mực nước triều, nối dài ống bơm để tranh thủ bơm trữ nước.

(Có phụ lục 3 đính kèm).

³ Thường Xuân, Thọ Long, Thọ Xuân, Sao Vàng, Xuân Hòa, Thiệu Toán, Thiệu Trung, Thiệu Hóa, Đông Tiến, Đông Quang, Đông Sơn, Quảng Phú, Hàm Rồng, Nam Sầm Sơn, Quảng Bình, Quảng Ninh, Quảng Ngọc, Quảng Yên, Lưu Vệ, Tiên Trang, Đồng Tiến, An Nông, Hợp Tiến, Tân Ninh, Thọ Phú, Trung Chính, Thăng Lợi, Nông Công, Quý Lộc, Yên Trường, Yên Phú, Yên Ninh, Yên Định, Định Tân, Định Hòa, Thiệu Tiến, Thiệu Quang, Thọ Lập, Xuân Tín, Xuân Lập, Kiên Thọ, Minh Sơn, Ngọc Liên, Công Chính, Thăng Bình, Tượng Lĩnh, Trường Vĩ, Các Sơn, Ngọc Sơn, Tân Dân, Hải Lĩnh.

+ Vùng tưới trên các triền sông Mã, sông Chu, sông Bưởi, sông Cầu Chày với diện tích có khả năng ảnh hưởng bởi thiếu nước, hạn hán khoảng 1.100 ha, tập trung chủ yếu ở vùng Nam sông Chu, Nam sông Mã, Bắc sông Mã, hạ du sông Bưởi, gồm 24 xã, phường⁴. Qua theo dõi hàng năm, khi nắng nóng kéo dài trên diện rộng, mực nước sông xuống thấp, các đơn vị quản lý, vận hành phải thực hiện nối dài ống bơm hoặc sử dụng thêm các máy bơm dầu tiếp nước vào bể hút để cấp nước phục vụ sản xuất; đặc biệt là các trạm bơm lấy nước từ dòng chính sông Mã (hạ lưu Thủy điện Cẩm Thủy 1) gồm 56 trạm bơm tưới và 13 trạm bơm lấy nước từ sông Chu.

(Có phụ lục 4 đính kèm).

3. Cấp nước cho Khu kinh tế, Khu công nghiệp

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có Khu kinh tế Nghi Sơn và 08 Khu công nghiệp (KCN), gồm: KCN Lễ Môn, KCN Đình Hương - Tây Bắc Ga, KCN Hoàng Long; KCN Thạch Quảng, KCN Ngọc Lặc, KCN Bãi Trành; KCN Bim Sơn; KCN Lam Sơn - Sao Vàng. Nhu cầu sử dụng nước cho công nghiệp hàng năm rất lớn, khoảng 43 triệu m³.

- Đối với Khu kinh tế Nghi Sơn thuộc vùng Nam sông Chu (vùng có khả năng thiếu nước cao), với nguồn nước cung cấp phục vụ sản xuất công nghiệp phụ thuộc rất lớn vào nguồn nước từ hồ Yên Mỹ và hồ Sông Mực; tuy nhiên, đến nay hồ Yên Mỹ vẫn chưa được phép tích nước đến cao trình mực nước thiết kế (+20.36) m nên sẽ xảy ra thiếu nước nếu nắng nóng kéo dài.

- Đối với các Khu công nghiệp thuộc vùng Nam sông Chu, Bắc sông Mã và vùng hạ du sông Bưởi lấy nguồn nước từ sông Lèn, sông Mã, sông Bưởi,... như: KCN Bim Sơn, KCN Thạch Quảng, KCN Lễ Môn, KCN Đình Hương - Tây Bắc Ga,...; là khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiếu nước, hạn hán, xâm nhập mặn nhưng do nhu cầu chưa cao nên khả năng thiếu nước ít.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ỨNG PHÓ KHẨN CẤP PHÒNG, CHỐNG HẠN HÁN, THIẾU NƯỚC, XÂM NHẬP MẶN NĂM 2026

1. Giải pháp chung

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước và các phương pháp tưới tiết kiệm, khoa học, hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí nguồn nước; vận động người dân tích cực tham gia phát dọn, nạo vét kênh mương, sử dụng nước tiết kiệm, hợp lý, nhất là trong giai đoạn cao điểm mùa khô (khoảng tháng 3 đến tháng 4/2026).

- Tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí, trữ nước vào các ao, hồ, kênh mương, các trục kênh tiêu,...; điều hòa phân phối nước hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và có kế hoạch cụ thể, tránh tình trạng tranh chấp nước trên hệ thống, không để hiện tượng thất thoát nước hoặc lấy nước tràn lan gây lãng phí.

⁴ Cẩm Tân, Cẩm Thủy, Cẩm Vân, Cẩm Tú, Cẩm Thạch, Vĩnh Lộc, Biện Thượng, Tây Đô, Yên Trường, Định Tân, Định Hòa, Quý Lộc, Thiệu Quang, Thiệu Hóa, Hoàng Giang, Nguyệt Viên, Hàm Rồng, Thường Xuân, Xuân Hòa, Lam Sơn, Xuân Lập, Thọ Xuân, Thiệu Tiên, Đông Tiến.

- Theo dõi chặt chẽ tình hình khí tượng thủy văn; kiểm tra, đo đếm, nắm chắc tình hình nguồn nước, đánh giá, cân đối khả năng cấp nước của từng công trình đầu mối, có kế hoạch bố trí lịch thời vụ phù hợp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý.

- Làm tốt công tác duy tu, bảo dưỡng công trình, máy móc, thiết bị; tăng cường công tác làm thủy lợi mùa khô, phát dọn, tiếp tục nạo vét kênh mương tưới và trục tiêu đảm bảo dẫn, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và phòng, chống hạn hán.

- Tích cực bảo vệ rừng đầu nguồn, trồng rừng để tăng khả năng che phủ, tăng khả năng điều tiết nước tự nhiên, góp phần bảo vệ an ninh nguồn nước bền vững.

- Tăng cường đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ tiên tiến, từng bước chuyển đổi số để chủ động trong quản lý, khai thác, sử dụng nước hiệu quả, tiết kiệm: Lựa chọn, áp dụng cây trồng, vật nuôi thích nghi với điều kiện khô hạn và môi trường nước mặn, nước lợ; nâng cao năng lực dự báo mưa, dòng chảy nhằm xây dựng kế hoạch sử dụng nước hiệu quả đối với công trình nước; áp dụng các công nghệ tiên tiến, sử dụng nước tiết kiệm, công nghệ chống thất thoát, lãng phí nước để nâng cao hiệu quả khai thác đối với công trình thủy lợi, công trình cấp nước tập trung và công nghệ sử dụng nước tuần hoàn, tăng hiệu suất quay vòng sử dụng nước đối với các khu công nghiệp, các nhà máy thủy điện.

2. Giải pháp cụ thể đối với từng vùng

2.1. Đối với vùng tưới hồ, đập lớn

- Các nhà máy Thủy điện Cửa Đạt, Dốc Cáy vận hành phát điện theo nhu cầu tưới, theo kế hoạch dùng nước của Công ty TNHH một thành viên Sông Chu, Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Nam Sông Mã đảm bảo nguồn nước cho hệ thống Bái Thượng, hệ thống kênh Bắc sông Chu-Nam sông Mã hoạt động phục vụ sản xuất; có biện pháp điều hòa, bổ sung nguồn nước giữa các công trình, các hệ thống công trình có liên quan như bổ sung nguồn nước tưới giữa hệ thống Bái Thượng về hệ thống Sông Mực qua kênh N8, sử dụng trạm bơm tưới Trường Minh để tưới cho vùng đuôi kênh Nam hồ Sông Mực, dành nước hồ Sông Mực để cấp cho Khu kinh tế Nghi Sơn.

- Tăng cường trữ nước từ các công trình hồ, đập: Về lâu dài cần xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình hồ, đập ở khu vực miền núi theo quy hoạch để tăng khả năng trữ nước, khai thác nước phục vụ sản xuất; xây dựng các hồ điều hòa khu vực thấp trũng vừa làm nhiệm vụ trữ nước, vừa tiêu thoát nước, đảm bảo an ninh nguồn nước.

- Tiếp tục phối hợp, đấu nối với các Bộ, ngành Trung ương để sớm triển khai đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi Cẩm Hoàng cấp nước cho vùng Bắc sông Mã và hạ du sông Bưởi.

2.2. Đối với vùng tưới hồ, đập, công trình thủy lợi nhỏ

- Tăng cường trữ nước, khai thác, sử dụng nước: Kịp thời sửa chữa các công

trình bị hư hỏng, xuống cấp không đảm bảo tích, trữ nước, giảm khả năng khai thác so với thiết kế; đầu tư xây dựng mới các công trình để tăng cường khả năng tích, trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt và các ngành kinh tế khác.

- Tăng cường công tác quản lý, vận hành để tiết kiệm nước; thực hiện tưới theo kế hoạch dùng nước đã lập và phê duyệt từng vùng, tiết kiệm ngay từ đầu vụ để dành nước cho thời gian cuối vụ Xuân và đầu vụ Mùa; các hồ chứa không đảm bảo nguồn nước cho suốt vụ, cần cân đối, rà soát diện tích tưới để có kế hoạch chuyển đổi sang trồng màu hoặc cây trồng khác sử dụng ít nước.

- Chủ động lắp đặt máy bơm dã chiến để bơm vét phục vụ công tác chống hạn, khi mực nước trong các hồ chứa xuống thấp hơn mực nước chết.

2.3. Đối với vùng tưới bằng trạm bơm điện

- Hệ thống thủy lợi sông Lèn hiện đang hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ, dự kiến bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 30/6/2026; về lâu dài tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các công trình ngăn mặn, giữ ngọt ở các cửa sông để cấp nước phục vụ sản xuất và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường công tác quản lý, vận hành, khai thác:

- + Phối hợp chặt chẽ với ngành điện đảm bảo ưu tiên nguồn điện cho các trạm bơm lớn, trạm bơm chịu ảnh hưởng của thủy triều, xâm nhập mặn vận hành, nhất là các trạm bơm Hoàng Khánh, Xa Loan, Công Phú, Châu Lộc, Đại Lộc và hệ thống cấp nước Đông kênh De bơm nước tiếp nguồn; đồng thời, tranh thủ thời gian có điện, kể cả ban đêm, vận hành các trạm bơm khi mực nước cho phép và không nhiễm mặn, bơm trữ vào kênh tiêu và ruộng để đảm bảo đủ nguồn nước chống hạn.

- + Căn cứ tình hình thời tiết, khí tượng thủy văn và kinh nghiệm trong quản lý tưới, làm tốt công tác dự báo, dự đoán tình hình, có phương án vận hành đối với các trạm bơm khó khăn về nguồn nước, đồng thời tăng cường bơm nước vào giờ thấp điểm, tranh thủ bơm nước trữ vào đồng để tránh tình trạng gây hạn giả tạo vào thời kỳ đổ ải tập trung và thời kỳ khô hạn cuối tháng 3, đầu tháng 4 của vụ Xuân kéo dài cho đến đầu vụ Mùa; đóng, mở cống ở các cửa sông, cửa biển hợp lý để giữ nước ngọt, ngăn nước mặn; kiểm tra độ mặn để có kế hoạch lấy nước tưới phù hợp.

- + Phối hợp với các nhà máy thủy điện để chủ động vận hành các trạm bơm trên dòng chính các sông đảm bảo thời gian và đầu nước bể hút để lấy nước và trữ nước phục vụ tưới và chống hạn.

- + Tiếp tục triển khai thực hiện công tác nạo vét kênh dẫn, cửa lấy nước để bơm nước phục vụ công tác tưới và chống hạn; chủ động tham mưu quyết định thời điểm đắp đập tạm trên kênh tiêu, sông nội địa để lấy và dâng nước cho các trạm bơm hoạt động.

- + Khi mực nước xuống thấp hơn mực nước kiệt thiết kế của các trạm bơm điện, căn cứ tình hình thực tế cần hạ thấp cao trình đáy bể hút và nổi ống hút sẵn sàng phục vụ tưới, có kế hoạch lắp đặt bổ sung máy bơm dầu, dã chiến để bơm chuyển, bơm tiếp nguồn. Đối với các trạm bơm không còn khả năng bơm, cần

có phương án lắp đặt máy bơm có cột nước cao thay thế các máy bơm cũ để kịp thời bơm nước chống hạn.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn năm 2026, tỉnh Thanh Hóa.

- Thường xuyên theo dõi chặt chẽ tình hình, các bản tin dự báo chuyên ngành về nguồn nước, hạn hán, xâm nhập mặn, thông báo kịp thời cho các địa phương, đơn vị liên quan và người dân vùng ảnh hưởng; chủ động chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc UBND các xã, phường và các Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi (KTCTTL) triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do hạn hán, xâm nhập mặn; tham mưu, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh những nội dung vượt thẩm quyền (nếu có).

- Chỉ đạo, đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh để kịp thời cung cấp nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

- Tập trung chỉ đạo triển khai công tác đo triều - mặn hạ lưu hệ thống sông Mã, sông Yên và sông Bạng (đặc biệt theo dõi giới hạn độ mặn 1‰), kịp thời thông tin cho Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh, các Công ty TNHH một thành viên KTCTTL, UBND các xã, phường có liên quan để có kế hoạch khai thác, sử dụng nước cho phù hợp, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí nguồn nước.

- Tổng hợp tình hình hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định; phối hợp với các đơn vị liên quan đấu nối với các Bộ, ngành Trung ương đề nghị hỗ trợ kinh phí, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chống hạn.

2. Sở Công Thương

Chỉ đạo Công ty Điện lực Thanh Hóa tập trung duy trì đảm bảo cung cấp điện cho các trạm bơm tưới; đặc biệt, các trạm bơm đầu mối lớn, các trạm bơm vùng triều phải được ưu tiên cấp điện 24/24h để tranh thủ bơm nước phục vụ công tác chống hạn, xâm nhập mặn theo Kế hoạch này; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan theo dõi, chỉ đạo các nhà máy Thủy điện Trung Sơn, Bá Thước 1, Bá Thước 2, Cẩm Thủy 1 vận hành phát điện với lưu lượng, thời gian phù hợp nhu cầu dùng nước, đồng thời duy trì mực nước ổn định để đảm bảo cho các trạm bơm dọc sông Mã lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

3. Sở Xây dựng

- Thường xuyên theo dõi nhu cầu sử dụng nước sạch sinh hoạt tại các đô thị và các khu công nghiệp để chỉ đạo kịp thời theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho cấp có thẩm quyền chỉ đạo theo quy định, đảm bảo cấp nước an toàn; đồng thời,

chỉ đạo các đơn vị cấp nước phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường kết nối hệ thống cấp nước sinh hoạt thuộc phạm vi quản lý với nguồn nước từ các hồ chứa nước ngọt, công trình thủy lợi, bảo đảm ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt.

- Chủ động phối hợp với các địa phương và các đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất giải pháp tăng cường kết nối giữa các nhà máy nước, mạng lưới cấp nước.

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chỉ đạo các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh rà soát, lập và thực hiện kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn, tăng cường quản lý rủi ro trong khai thác, xử lý và phân phối nước sạch đảm bảo tiết kiệm, giảm thất thoát nước.

4. Sở Tài chính

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền hỗ trợ kinh phí hoặc lồng ghép trong các chương trình, chính sách hiện hành để thực hiện công tác phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn đảm bảo theo quy định.

5. UBND các xã, phường

Căn cứ Kế hoạch này phân giao nhiệm vụ cụ thể để xây dựng phương án chống hạn, xâm nhập mặn năm 2026 (*trong đó lưu ý phương án lấy nước cho các trạm bơm dọc sông Lèn, hạ lưu sông Mã*) và chỉ đạo thực hiện; rà soát, bổ sung kế hoạch hàng năm của đơn vị chi tiết, cụ thể đến từng tiểu vùng, duy trì chế độ giao ban định kỳ; phối, kết hợp chặt chẽ từ cơ sở đến các cấp, ngành để chỉ đạo ứng phó kịp thời với diễn biến thời tiết phức tạp xảy ra; đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt do địa phương quản lý; rà soát, xác định các khu vực có nguy cơ xảy ra thiếu nước sinh hoạt để chủ động triển khai các giải pháp bảo đảm cấp nước sinh hoạt cho nhân dân, không để người dân thiếu nước sinh hoạt, trường hợp cần thiết phải huy động lực lượng, phương tiện (như xe cứu hỏa, xe quân đội chuyên chở,...) vận chuyển nước để cung cấp cho người dân; chủ động huy động nguồn lực để thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn trên địa bàn, báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Chi cục Thủy lợi) để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

6. Các Công ty TNHH một thành viên KTCTTL

- Căn cứ Kế hoạch này, rà soát, bổ sung kế hoạch của đơn vị đã xây dựng trong đó chi tiết, cụ thể đến từng tiểu vùng; triển khai các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất; phối, kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các cấp, ngành để chỉ đạo ứng phó kịp thời với diễn biến thời tiết phức tạp xảy ra.

- Thường xuyên rà soát, kiểm tra, đánh giá kết quả tưới từng đợt để có phương án điều hành, phân phối, dẫn nước cho những đợt tiếp theo.

- Các Công ty TNHH một thành viên Sông Chu, Thủy lợi Nam Sông Mã chủ động xây dựng kế hoạch sử dụng nước hồ Cửa Đạt, phối hợp chặt chẽ với

Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 3, các nhà máy Thủy điện Cửa Đạt, Dốc Cáy để vận hành phát điện với lưu lượng, thời gian phù hợp nhu cầu dùng nước, đảm bảo tiết kiệm và duy trì ổn định mực nước thiết kế của các hệ thống Bái Thượng, kênh Bắc sông Chu-Nam sông Mã.

- Chủ động phối hợp với các địa phương và các chi nhánh Điện lực để được ưu tiên đủ nguồn điện, chất lượng điện phục vụ khi có nhu cầu bơm; đặc biệt là các trạm bơm vùng ảnh hưởng thủy triều phải đăng ký dùng điện 24/24h để chủ động khi có đủ điều kiện về nguồn nước là có thể bơm được ngay.

7. Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 3

- Phối hợp chặt chẽ với các Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP, cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Bắc Miền Trung căn cứ mực nước hồ hiện tại, điều chỉnh lưu lượng vận hành xả nước hồ Cửa Đạt theo quy định tại Điều 15 Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã (ban hành kèm theo Quyết định số 214/QĐ-TTg ngày 13/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ) đảm bảo phù hợp với nhu cầu tưới thực tế, tiết kiệm để nâng cao tối đa hiệu quả sử dụng nước hồ Cửa Đạt; phối hợp chặt chẽ với Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na để xả nước đúng quy trình, tăng cường xả nước xuống hạ du khi cần thiết.

- Triển khai lập phương án, kế hoạch sử dụng nước phân dung tích chết của hồ Cửa Đạt, trình duyệt theo quy định để chống hạn cuối vụ Xuân và đầu vụ Mùa; trong đó, nêu cụ thể phương án vận hành qua cửa van thủy lợi thủy điện Cửa Đạt và cửa van thủy lợi Tuynel Dốc Cáy.

- Phối hợp với Công ty TNHH một thành viên Sông Chu và Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Nam Sông Mã để có kế hoạch cấp nước tưới phù hợp với nhu cầu và lịch tưới thực tế.

- Báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường có phương án, giải pháp kỹ thuật và bố trí đủ nguồn kinh phí để đảm bảo an toàn, ổn định lâu dài cho hệ thống công trình hồ chứa nước Cửa Đạt và đảm bảo cấp nước phục vụ cho sản xuất.

8. Các Công ty: TNHH một thành viên Thủy điện Trung Sơn, TNHH Hà Thành, cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa, TNHH Thanh Bình, cổ phần đầu tư hạ tầng và giao thông, cổ phần Thủy điện Hòa Na, cổ phần Thủy điện Đakrông, cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP, cổ phần Thủy điện Xuân Minh, cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Bắc Miền Trung

Chỉ đạo các nhà máy thủy điện vận hành theo đúng quy trình đã được phê duyệt, đảm bảo duy trì ổn định mực nước trên các sông cho các trạm bơm vận hành và hệ thống kênh tưới đảm bảo nguồn phục vụ tưới và chống hạn; phối hợp chặt chẽ với UBND các xã, các Công ty TNHH một thành viên KTCTTL thông báo kế hoạch xả nước để có kế hoạch bơm tưới và tích trữ nước.

9. Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh

Kịp thời thông báo, cảnh báo về tình hình thời tiết, thiên tai, nhất là những diễn biến bất lợi của thời tiết đến các cơ quan, đơn vị liên quan và nhân dân để phục vụ công tác chỉ đạo sản xuất và chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn phù hợp.

10. Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa

Trên cơ sở diễn biến tình hình thời tiết, khí tượng thủy văn, thông báo khả năng hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn để người dân biết, sử dụng nước tiết kiệm; đưa tin biểu dương, động viên kịp thời các đơn vị, địa phương làm tốt công tác chống hạn.

11. Các sở, ban, ngành, đơn vị khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động triển khai các biện pháp nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do nắng nóng, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn có thể gây ra.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành, UBND các xã, phường và các Công ty TNHH một thành viên KTCTTL, Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 3 và các đơn vị liên quan khẩn trương tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường
- Bộ Xây dựng
- Bộ Công Thương
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh
- Cục Quản lý và Xây dựng CTTL;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 3;
- Các Công ty: Điện lực Thanh Hóa, TNHH MTV Sông Chu, TNHH MTV TL Bắc Sông Mã, TNHH MTV TL Nam Sông Mã, CP TĐ Hòa Na, CP TĐ Đakrông, CP XD và Năng lượng VCP, CP TĐ Xuân Minh, CP ĐT và PT điện Bắc Miền Trung, TNHH MTV TĐ Trung Sơn, TNHH Hà Thành, CP TĐ Hoàng Anh Thanh Hóa, TNHH Thanh Bình, CP ĐTXD hạ tầng và giao thông;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- Báo và PTTH T. Hóa; Đài KTTV tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

(để b/c);

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

**Phụ lục 1: Tổng hợp diện tích có khả năng thiếu nước và xảy ra hạn vụ Xuân
và đầu vụ Mùa năm 2026 - Vùng hồ, đập lớn**
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	7.168,9	4.234,0			
A	HỆ THỐNG BÁI THUẬN	3.854,0	2.759,0			
1	Xã Thường Xuân	48,0				
		28,0		Hệ thống kênh đường ống Thường Xuân	Tăng cường công tác dẫn và điều tiết nước, nạo vét hệ thống kênh nội đồng	
		20,0		Trạm bơm Tô Ròng và Thọ Thanh	Tăng cường công tác dẫn và điều tiết nước, nạo vét hệ thống kênh nội đồng; nạo vét kênh dẫn và bể hút TB Thọ Thanh	
2	Xã Thọ Long	169,0	110,0	Kênh B1, B2, B4, B6, C10, C2/3	Sửa chữa kênh tưới C2/3 đoạn K2+100-K2+600; lắp đặt máy bơm dầu tại cầu máng Phúc Đản đuôi kênh B1, lấy nước tại kênh tiêu Thành Nguyên Đặt máy bơm dầu tại cánh đồng Nổ Đu (đuôi kênh B2), lấy nước trên kênh tiêu Lộc Giang Hỗ trợ kênh 16, 17, 18 thuộc kênh Nam Đặt máy bơm dầu trên kênh tiêu Đồng Nẵn Tăng cường dẫn nước	
3	Xã Thọ Xuân	70,0	35,0	Kênh C6, C4, C2-4, C1B, C2-1B, C3, B3	Đặt máy bơm dầu tại K1+500 kênh tiêu TB Xuân Trường Nạo vét và đặt máy bơm dầu tại K1+900 kênh tiêu Thành Nguyên Tăng cường dẫn nước	

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
4	Xã Sao Vàng	73,0	50,0	Kênh Chính, C6, C4, C2-4	Đặt máy bơm dầu trên sông Nhà Lê bơm hỗ trợ kênh C4 Lắp đặt máy bơm dầu tại thôn 6-xã Sao Vàng Tăng cường dẫn nước	
5	Xã Xuân Hòa	97,0	85,0	Kênh Chính, C1A, C1B, C2, C2-1A, C1-1A	Đặt máy bơm dầu tại K9H & K10H kênh Chính Đặt máy bơm dầu tại K2+00 kênh tiêu Hòa Giang bơm hỗ trợ kênh C1B Đặt máy bơm dầu tại K1+500 kênh tiêu Phấn Thôn hỗ trợ cho kênh C2/1A Tăng cường dẫn nước	
6	Xã Thiệu Toán	255,0	235,0			
		55	55	Kênh B5, B2/5	Đặt máy bơm dầu 320 m ³ /h; nguồn nước bơm lấy tại hồ đồng Toán Thọ, đắp đập trên kênh tiêu Toán Tâm tại K5+500	
		125	120	Kênh B8a, N5	Nạo vét kênh tiêu Toán Tâm, đắp đập tại K1+00 kênh Toán Tâm và nhánh tiêu ra sông Dừa tại K6+500 (TB Dân Ái); nhánh tiêu ra sông Dừa tại TB Thái Bình; Thái Sơn	
		60	50	Kênh B8a, N3	Đóng đập Nổ Đu và đắp đập trên kênh tiêu Toán Tâm tại K1+00	
		15	10	Kênh B8b	Đắp đập trên nhánh tiêu Thiệu Hòa ra sông Dừa tại TB Thái Sơn	
7	Xã Thiệu Trung	200,0	200,0			
		70	70	Kênh B12, B1/3-10	Nạo vét kênh tiêu Lý-Trung, kênh tiêu Trung-Thanh, đắp đập tại K0+500 và tại K0+500 kênh tiêu Trung-Thanh Đặt máy bơm dầu 320 m ³ /h	
		50	50	Kênh B8b, N9	Nạo vét kênh tiêu Nổ Đào I và II. Đắp đập tại K1+100 trên kênh tiêu Nổ Đào I và tại K1+150 trên kênh tiêu Nổ Đào II	

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
		80	80	Kênh B1/10, B3/10	Nạo vét kênh tiêu Lý-Hoàng, đắp đập tại K0+600 và K2+100 Đặt 03 máy bơm dầu 320 m³/h trên kênh tiêu và tại hồ Rùn (Đông Sơn)	
8	Xã Thiệu Hóa	15,0	10,0	Đuôi 2 máng dọc đường QL 45 kênh B9	Đặt máy bơm dầu 320 m³/h; nguồn nước bơm đắp đập tại kênh tiêu Đô Cương tại K11+500	
9	Phường Đông Tiến	155,0	130,0			
		35	35	Kênh B6/9, B3/15a	Đắp đập tại K7+200 kênh tiêu Đô Cương, đặt máy bơm dầu 320 m³/h	
		30	25	Kênh B1-6/9	Nạo vét kênh tiêu Văn Tập, đắp đập tại K1+00 kênh tiêu Văn Tập, đặt máy bơm dầu 320 m³/h; đắp đập tại K3+500, K5+100 kênh tiêu Khánh Vân tạo nguồn nước	
		30	30	Kênh B8/9, B10/9, B3/9	Đặt máy bơm dầu 320 m³/h; nguồn nước bơm đắp đập tại kênh tiêu Khánh Vân tại K1+500, K3+500	
		10	10	Kênh B1/9	Đặt máy bơm dầu 320 m³/h; nguồn nước bơm đắp đập tại kênh tiêu Tân Khánh tại K1+00	
		20		Kênh B15a, B15b	Lấy nước B15a ngược lên	
		30	30	Kênh B15A	Bơm điện bằng TB Bái Tê lấy nước kênh tiêu Đô Cương	
10	Phường Đông Quang	530,0	140,0			
		40	10	Kênh B20	Bơm TB Cầu cánh, đặt bơm dầu tại Máng Vức	
		70	20	Kênh B10, Tân Thành	Đặt máy bơm dầu	
		40	10	Kênh B10	Bơm từ trạm bơm B4-10	
		20	5	Kênh Tân Thành	Bơm bổ sung trạm bơm Bãi Tây	

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
		70	15	Kênh B13/10	Nạo vét đầu mối, đắp đập	
		280	75	Kênh 16B, B7/10B, B7/10a	Bơm TB Đông Yên	
		10	5	Kênh Bắc-Bãi Thượng	Bơm dầu lấy nước từ sông Vĩnh K6+00	
11	Phường Đông Sơn	135,0	14,0			
		75	14	Kênh 2-5/10a	Đắp đập Đông Ninh và đập Đồng Lạc	
		20		Kênh B5/10b	Đắp đập Đông Ninh lấy nước	
		15		Kênh B7/10a	Đắp đập kênh B7/10a	
		25		Kênh tiêu N3, N4	Đặt máy bơm dầu tại kênh N4	
12	Phường Quảng Phú	249,0	122,0			
		60	20	Kênh B29	Nạo vét kênh tiêu Thành Hưng để trữ nước tạo nguồn và đắp đập tại K1+700	
		20	10	Kênh B31A	Nạo vét kênh tiêu Hưng Phú để trữ nước tạo nguồn, đặt máy bơm dầu tại K1+800	
		100	60	Kênh B33	Bơm dầu từ kênh tiêu Minh Phú tại 5 vị trí hoặc kéo dài thời gian cấp nước trên kênh B33 tại K2+00	
		10	7	Kênh B35	Bơm dầu từ B35 tại K2+500	
		19	15	Kênh B31b	Bơm dầu từ kênh tiêu Hưng Phú	
		40	10	Kênh B31b	Bơm dầu từ kênh tiêu Minh Phú tại K1+00, K1+500	
13	Phường Hàm Rồng	50,0	50,0	Kênh B19, TB Đại Khối	TB Hạc Oa nguồn nước kênh tiêu Khánh Vân; đóng nước kênh tiêu Đô Cương, đóng kín đập Đô Cương và mở đập Thiệu Giao (tạo nguồn)	

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
14	Phường Nam Sầm Sơn	85,0	110,0			
			30	Đuôi kênh B30, kênh Bắc	Điều tiết nguồn nước tự chảy của kênh Bắc, nạo vét kênh tiêu Hùng Bình để trữ nước tạo nguồn, đặt máy bơm dầu tại K6+800T	
			20	Đuôi kênh B2/35	Điều tiết nguồn nước tự chảy của kênh Bắc cấp nước cho kênh B2/35, vận hành máy bơm dầu đặt ven kênh tiêu sông Rào (K4+500H) để bơm lên các thôn dọc sông Rào	
		60	50	Đuôi kênh B33, B35	Điều tiết nguồn nước tự chảy của kênh Bắc cấp nước cho kênh B33, B35, dùng trạm bơm Quảng Tâm để bơm lên	
		25	10	Đuôi kênh TB. Quảng Vinh	Vận hành máy bơm dầu dọc kênh tiêu sông Rào để bơm lên vùng hạn	
15	Xã Quảng Bình	200,0	180,0			
		75	70	Đuôi kênh Bắc-Bái Thượng	Điều tiết nguồn nước tự chảy của kênh Bắc, vận hành máy bơm điện của xã để bổ sung cho nguồn nước tự chảy bị thiếu hụt đuôi kênh Lê Hương, dùng trạm bơm Quảng Lĩnh để bơm lên đuôi kênh Nga Linh, Triều Công, vận hành máy bơm dầu đã chiến lấy nước từ kênh Bắc và trên kênh tiêu Nga Linh để bơm cho vùng hạn	
		70	60	Đuôi kênh Bắc-Bái Thượng	Điều tiết nguồn nước tự chảy của kênh Bắc, vận hành máy bơm điện của xã lấy nước từ kênh tiêu Hùng Bình để bổ sung cho nguồn nước tự chảy bị thiếu hụt, vận hành máy bơm dầu đặt ở kênh tiêu Hùng Bình tại K4+300T, K4+800T để bơm lên vùng hạn (Nỗ Oải, dọc đường Lưu Bình, Lạch Giang)	
		55	50	Đập dâng Hùng Bình	Dùng các trạm bơm điện Quảng Bình 2+3+4 để bơm lên; vận hành máy bơm dầu dọc kênh tiêu Hùng Bình tại K2+800H, K2+600H để bơm lên	

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
16	Xã Quảng Ninh	140,0	160,0			
			50	Đuôi kênh Bắc-Bái Thượng và bơm điện	Điều tiết nguồn nước tự chảy của kênh Bắc, vận hành máy bơm điện của xã, vận hành máy bơm dầu đặt ở kênh tiêu Hùng Bình K5+300T và ven sông Rào K6+500H để bơm lên	
		70	60	Đuôi kênh Bắc, kênh B30	Điều tiết nguồn nước tự chảy của kênh Bắc cấp nước cho kênh B30, vận hành máy bơm điện của xã và trạm bơm Quảng Bình 1 để bơm nước vào đuôi B30, B32, đặt máy bơm dầu ven kênh tiêu Hùng Bình thuộc thôn 3+4+5+6 để bơm lên	
		70	50	Đuôi kênh B28	Dùng trạm bơm Ninh Phạm của xã để bơm lên, vận hành máy bơm dầu lấy nước từ kênh tiêu Định Ninh để bơm tưới	
17	Xã Quảng Ngọc	25,0	96,0			
			80	Đuôi kênh B22, B6/22a, B6/22b	Điều tiết nguồn nước tự chảy của kênh B22 cấp nước cho kênh 6/22a, 6/22b, dùng trạm bơm Quảng Văn, Quảng Hợp 2 để tưới, nạo vét các kênh tiêu Hón Sâm, Lâm Cầu để trữ nước, đặt các máy bơm dầu lấy nước từ kênh tiêu Hón Sâm (K0+700, K0+900), kênh tiêu Lâm Cầu (K0+800, K2+00) để bơm lên	
		25	16	Đuôi kênh 8/22	Vận hành máy bơm dầu dọc kênh tiêu Văn Giáo để bơm lên, dùng trạm bơm điện Thắng Phú bơm vào vùng đuôi B8/22	
18	Xã Quảng Yên	179,0	155,0			
		74	65	Đuôi kênh B22	Dùng trạm bơm Quảng Long và Long Đại để bơm lên, vận hành máy bơm dầu lấy nước từ kênh tiêu Xuân Bảng tại K0+700	
		60	50	Đuôi kênh B3/22	Dùng trạm bơm điện Quảng Hòa để đẩy lên vùng hạn	

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
		45	40	Đuôi kênh B4/22	Dùng trạm bơm điện Quảng Yên	
19	Xã Lưu Vệ	75,0	80,0			
		50	40	Đuôi kênh B24, B28	Nạo vét sông Lý; dùng trạm bơm Ước Ngoại và Cầu Chảo của xã để bơm lên, vận hành máy bơm dầu dọc kênh tiêu Tân Phong 1 tại K2+450T để bơm tưới	
		25	20	Đuôi kênh B28, B30	Dùng trạm bơm điện Phú Đa của xã để bơm, đặt máy bơm dầu dọc kênh tiêu Định Ninh tại K4+00H, K4+200H, K4+500H để bơm lên vùng hạn	
		0	20	Đuôi kênh B24, B28	Vận hành máy bơm dầu dọc kênh tiêu Tân Phong 1, Tân Trạch để bơm	
20	Xã Tiên Trang	160,0	140,0	Đuôi kênh TB. Quảng Lĩnh	Vận hành trạm bơm điện Quảng Lĩnh kết hợp điều tiết nguồn nước từ đuôi kênh Bắc đẩy lên vùng hạn, vận hành máy bơm dầu đặt trên kênh tiêu Nga Lĩnh tại K0+900	
21	Xã Đồng Tiến	145,0	77,0			
		55	55	Kênh N15, N4/15b	Đặt 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h tại K0+625 kênh tiêu Thịnh Vượng; đặt 02 máy bơm dầu 540 m ³ /h tại K2+500 và K2+950T kênh tiêu Nỗ Hèn; đắp đập dâng	
		30	12	Kênh B6/10	Bơm dầu tại K0+420 kênh B6/10	
		60	10	Kênh B10	Bơm từ trạm bơm B4-10	
22	Xã An Nông	21,0	21,0	Kênh nội đồng vượt cấp Nông Trường-Khuyến Nông; N4/15b	Đặt 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h kênh tiêu Nỗ Hèn; đắp đập dâng	

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
23	Xã Hợp Tiến	40,0	40,0	Kênh C6, TB Hợp Thắng 3	Đặt 03 máy bơm dầu 540 m ³ /h trên sông Nhơm; đặt 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h tại K18+800H trên kênh C6; đắp đập dâng	
24	Xã Tân Ninh	60,0	60,0	Kênh N8	Đặt 03 máy bơm dầu 540 m ³ /h trên sông Nhơm; đắp đập dâng	
25	Xã Thọ Phú	35,0	35,0			
		10	10	Kênh Nam	Đặt 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h tại K7 kênh Nam sông Chu	
		25	25	Kênh C5/6	Bơm từ TB Thọ Tân 1 đẩy nước ngược theo kênh C5/6 lên vùng tưới	
26	Xã Trung Chính	424,0	267,0			
		7	5	Tiểu cầu K6+900H trên N8-Bái Thượng	Đắp ngăn, đặt 01 máy bơm dầu tại K2+300 kênh tiêu Hón Gai	
		10	7	Tiểu cầu K3+697T trên N8-Bái Thượng	Đặt 01 máy bơm dầu lấy nước sông Nhơm	
		8	5	Tiểu cầu K25+687T trên kênh Nam-Bái Thượng	Nạo vét kênh tiêu Tân Thọ. Đặt 01 máy bơm dầu tại K0+650 kênh tiêu Tân Thọ	
		15	10	Tiểu cầu K3+617H trên N8-Bái Thượng	Nạo vét kênh tiêu Đồng Chiêm. Đặt 01 máy bơm dầu tại K1+560 kênh tiêu Đồng Chiêm	
		15	10	Tiểu cầu K4+890H trên N8-Bái Thượng	Nạo vét kênh tiêu Hón Gai. Đắp đập và đặt 01 máy bơm dầu tại K3+280 kênh tiêu Hón Gai	
		27	15	Nhánh tưới đuôi N19 kênh Nam-Bái Thượng	Đặt 01 máy bơm dầu trên sông Hoàng	

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
		35	20	Nhánh tưới đuôi N19 kênh Nam-Bái Thượng	Đặt 01 máy bơm dầu 540 m ³ /h tại K0+200 kênh tiêu nhánh 1 Đá Bàn	
		17	8	Đập trên kênh tiêu Đá Bàn 2	Đặt 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h tại K0+300 kênh tiêu nhánh 2 Đá Bàn	
		25	15	Tiểu cầu K5+250T, K5+380T trên N8-Bái Thượng	Đặt 01 máy bơm dầu 540 m ³ /h trên sông Nhôm	
		10	7	Tiểu cầu K5+250T, K5+380T trên N8-Bái Thượng	Đặt 01 máy bơm dầu 190 m ³ /h rạch tiêu dọc Ao Sen	
		20	12	Đuôi kênh N21-Bái Thượng	Đặt 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h tại K1+600 kênh tiêu nhánh 2 Đá Bàn	
		20	14	Tiểu cầu K5+050H trên N8-Bái Thượng	Đắp đập, đặt 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h tại K2+850 kênh tiêu Hón Gai	
		20	12	Kênh N25-Bái Thượng	Nạo vét kênh dẫn kênh tiêu Đá Bàn để lấy nước triều vào kênh tiêu Đá Bàn. Sử dụng trạm bơm tiêu Đá Bàn bơm quay đầu và đặt máy bơm dầu 320 m ³ /h tại K0+760 kênh tiêu nhánh 1 Đá Bàn	
		30	25	Kênh N25-Bái Thượng	Đặt 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h tại K0+860 kênh tiêu nhánh 1 Đá Bàn	
		23	15	Tiểu cầu K32+308T kênh Nam-Bái Thượng	Nạo vét cục bộ kênh tiêu Tân Giang. Đặt 01 máy bơm dầu 540 m ³ /h tại K2+800 kênh tiêu Tân Giang	
		30	20	Tiểu cầu K32+308T, K31+810T kênh Nam-Bái Thượng	Đặt 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h tại K2+950 kênh tiêu Tân Giang	

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
		30	20	Tiểu cầu K34+310T kênh Nam-Bái Thượng	Đặt 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h tại K1+800 kênh tiêu Tân Giang	
		20	12	Tiểu cầu K34+150H, K34+237H kênh Nam-Bái Thượng	Đắp đập, đặt 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h trên kênh tiêu nội đồng	
		30	15	Kênh N12 kênh Nam-Bái Thượng	Đặt 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h trên kênh tiêu nội đồng	
		20	12	Tiểu cầu K34+310T kênh Nam-Bái Thượng	Đặt 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h tại K1+800 kênh tiêu Tân Giang	
		12	8	Tiểu cầu K34+539H kênh Nam-Bái Thượng	Đặt 01 máy bơm dầu 190 m ³ /h trên kênh tiêu nội đồng	
27	Xã Thắng Lợi	145,0	104,0			
		10	8	Tiểu cầu K7+990H trên N8-Bái Thượng	Trạm bơm Yên Dân 1 máy bơm điện 1.000 m ³ /h tại K1+450 kênh tiêu Hón Gai	
		15	10	Tiểu cầu K7+394T trên N8-Bái Thượng	Đắp đập, đặt 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h tại K1+700 kênh tiêu Hón Gai	
		30	18	Kênh N1/8, kênh Lê Mã Lương	Nạo vét kênh tiêu Trung Thành. Đặt 01 máy bơm dầu tại K0+950	
		40	30	Đuôi kênh B12, TB tưới Tế Thắng	Đặt 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h trên kênh tiêu nội đồng	
		20	15	Đuôi kênh tưới N3/8 (B14) N8-Bái Thượng	Đặt 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h tại K0+500 kênh tiêu Trung Thành	
		30	23	Đuôi kênh tưới N5/8-Bái Thượng	Đặt 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h trên kênh tiêu nội đồng	

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
28	Xã Nông Công	74,0	53,0			
		20	15	Kênh tưới N2/5/8, N4/5/8-Bái Thượng	Nạo vét kênh tiêu T3 Tế Lợi đi Minh Khôi. Đặt 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h tại K0+300	
		24	18	Đuôi kênh B2 và đập Đồng Thọ	Đặt 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h trên nhánh tiêu sông Chuối	
		30	20	Đuôi kênh N8	Sửa chữa, nâng cấp đường dây hạ thế 0,4kv TB Liên Minh để bơm 2 máy	
B	HỆ THỐNG BẮC SÔNG CHU-NAM SÔNG MÃ	2.538,9	902,0			
1	Xã Quý Lộc	265,0	32,0			
		185	25	Sông Mã (kênh B9)	TB điện Đồn Trang 03 máy x 1.100 m ³ /h; tạo nguồn vào kênh Đông (hiện tại chỉ để lại 03 máy hoạt động)	
		50	4	Hồ Thắng Long (kênh B9)	Hỗ trợ từ hồ Thắng Long	
		30	3	Kênh tiêu Quan Trì (kênh 18)	Đặt máy bơm dầu (01 máy x 600 m ³ /h)	
2	Xã Yên Trường	109,0	18,0			
		50	5	Kênh B20, hồ Yên Trung	Phải đấu nối với HTX Yên Trung bơm từ TB của xã	
		9	3	Kênh B24	Đặt máy dầu (01 máy x 600 m ³ /h)	
		50	10	Kênh Chính Bắc	Đặt máy dầu (02 máy x 600 m ³ /h)	
3	Xã Yên Phú	150,0	16,0			

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
		20	1	Hồ số 5 (kênh 18)	Bơm hỗ trợ từ TB Bái Đường (02 máy x 1.000 m ³ /h)	
		110	10	Kênh B20, sông Hép, hồ chứa của TB Yên Phú	Dùng TB điện Yên Phú và Yên Giang	
		20	5	Kênh B20	Dùng TB điện Yên Phú và Yên Giang	
4	Xã Yên Ninh	275,0	31,0			
		50	5	Kênh B22, sông Cầu Chày	TB Phúc Tĩnh (02 máy x 1.000 m ³ /h); đắp đập Phúc Tĩnh	
		40	3	Kênh B24	TB Đồng Nhân (01 máy x 1.000m ³ /h); nạo vét kênh tưới	
		12	4	Kênh B24 kênh tiêu	Đặt máy dầu (01 máy x150 m ³ /h)	
		25	3	Kênh B24	Đặt máy dầu (01 máy x 600 m ³ /h)	
		6	1	Kênh B24	Đặt máy dầu (01 máy x 600 m ³ /h)	
		80	10	Kênh B24	Đặt máy dầu (03 máy x 600 m ³ /h)	
		12	2	Kênh B24 cống Đò	Đặt máy dầu (01 máy x 320 m ³ /h)	
		50	3	Kênh Chính Bắc	Hỗ trợ TB Yên Thái 1	
5	Xã Yên Định	60,0	15,0			
		5	2	Kênh Chính Bắc, kênh tiêu	Đặt máy dầu (01 máy x 600 m ³ /h)	
		30	3	Kênh Chính Bắc	Đặt máy dầu (02 máy x 600 m ³ /h); kết hợp TB dã chiến Thành Phú và Bối Lim	

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
		25	10	Kênh B30, kênh Chính Bắc	Đặt máy dầu (01 máy x 600 m ³ /h)	
6	Xã Định Tân	330,0	160,0			
		30	10	Kênh Chính Bắc	Đặt máy dầu (01 máy x 600 m ³ /h)	
		300	150	Sông Mã	Bơm hỗ trợ TB Định Hải	
7	Xã Định Hòa	700,0	350,0	Đuôi kênh Bắc, sông Mã-kênh Chính Bắc	Bơm hỗ trợ TB Định Hải (10 máy x 1.000 m ³ /h)	
8	Xã Thiệu Tiến	70,0	22,0			
		18	8	Đuôi kênh N22, đồng chăn nuôi, kênh Chính Nam	Dùng nguồn nước từ TB Thiệu Ngọc	
		22	5	Kênh Chính Nam (đồng đườn Ao cá)	Đặt máy bơm dầu (01 máy x 290 m ³ /h) từ kênh Nam để bơm	
		17	5	Kênh N22 kênh Chính Nam (Đồng Côn xy)	Đặt máy bơm dầu từ kênh N22 để bơm (01 máy x 290 m ³ /h)	
		13	4	Kênh Chính Nam (đồng Bờ hồ, Đa tán, đồng cao của TB Thiệu Vũ)	Đặt máy bơm dầu từ kênh Nam để bơm (01 máy x 290 m ³ /h)	
9	Xã Thiệu Hóa	165,0	62,0			
		30	20	Kênh N13 kênh Chính Nam	Đặt máy bơm dầu tại vị trí kênh máng bơm vào kênh N13 (01 máy x 290 m ³ /h); sông Mậu Khê	
		60	20	Diện tích đuôi kênh N15 kênh Chính Nam	Dùng nguồn nước từ TB Thiệu Hưng, Thiệu Phúc và TB Đồng Thái	

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
		30	9	Diện tích đuôi kênh N17 kênh Chính Nam	Dùng TB Ngọc Tỉnh để bơm hỗ trợ	
		45	13	Diện tích của TB Đình Tân kênh tiêu	Đặt máy bơm dầu tại vị trí TB cũ (01 máy x 320 m ³ /h)	
10	Xã Thiệu Quang	110,0	35,0			
		75	25	Kênh Chính Nam (kênh N11; diện tích Hưng Thôn, Đường Thôn)	Dùng nguồn nước từ TB Thiệu Giang 2	
		35	10	Đuôi kênh N3-4 kênh N11	Dùng nguồn nước từ TB Thiệu Giang 2	
11	Xã Thọ Lập	133,0	76,0			
		48	24	Kênh VC2	Dùng TB điện của xã bơm hỗ trợ tưới cho DT đuôi kênh	
		50	25	Đuôi kênh N9	Điều hành tưới	
		28	20	Kênh N11	Lắp đặt máy bơm dầu (01 máy x 320 m ³ /h), nguồn nước từ kênh tiêu Thuận Minh-Thọ Lập	
		7	7	Kênh VC4	Lắp đặt máy bơm dầu (01 máy x 320 m ³ /h), nguồn nước kênh Chính Nam	
12	Xã Xuân Tín	45,0	25,0			
		25	15	Đuôi kênh N15	Dùng TB điện của xã bơm hỗ trợ tưới cho DT đuôi kênh	
		20	10	Đuôi kênh N17a	Lắp đặt máy bơm dầu (01 máy x 320 m ³ /h), nguồn nước kênh tiêu Mau Lợi	

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
13	Xã Xuân Lập	125,0	69,0			
		30	18	Đuôi kênh N17	Điều hành tưới	
		20	8	Kênh N19-8	Lắp đặt máy bơm dầu (01 máy x 320 m ³ /h), nguồn nước từ Ngọc Trung	
		22	8	Đuôi kênh N23	Lắp đặt máy bơm dầu (01 máy x 320 m ³ /h), nguồn nước từ kênh tiêu đồng đản	
		8	5	Cống Thành Vinh K21+450 kênh Nam	Lắp đặt máy bơm dầu (01 máy x 320 m ³ /h), nguồn nước từ kênh Chính Nam	
		45	30	Đuôi kênh N20	Điều hành tưới	
14	Xã Kiên Thọ	30,0	10,0	Kênh tiêu Suối Thi	Lắp đặt máy bơm dầu (01 máy 150 m ³ /h)	
15	Xã Minh Sơn	3,0	1,0	Kênh tiêu làng Giác	Lắp đặt máy bơm dầu (01 máy 150 m ³ /h)	
16	Xã Ngọc Liên	13,87	5	Sông Cầu Chày, hồ Minh Lâm, hồ Yên Thắng	Lắp đặt máy bơm dầu (01 máy 150 m ³ /h)	
C	HỆ THỐNG SÔNG MỰC	489,0	330,0			
1	Xã Nông Cống	20,0	15,0	Đuôi kênh N3 sông Mực	Nạo vét kênh tiêu Vạn Thắng. Đặt 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h tại K1+600	
2	Xã Công Chính	15,0	10,0	Đuôi kênh N3 sông Mực	Đặt 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h trên kênh tiêu nội đồng	
3	Xã Thăng Bình	110,0	75,0			

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
		30	20	Đuôi kênh N2, N11C sông Mực	Đặt 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h trên kênh tiêu nội đồng và nạo vét kênh tiêu Thăng Thọ. Đặt 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h tại K0+500	
		50	35	Đuôi kênh N11, N11A, N11A2 sông Mực	Đặt 03 máy bơm dầu 320 m ³ /h trên kênh tiêu nội đồng	
		30	20	Đuôi kênh N2B, N13, tiểu cầu K13+156(T) kênh Nam sông Mực	Đặt 02 máy dầu 190 m ³ /h trên kênh tiêu nội đồng và 1 máy bơm dầu 140 m ³ /h tại K13+158(T) kênh Nam sông Mực	
4	Xã Tượng Lĩnh	152,0	90,0			
		70	45	Đuôi kênh N4, N6 kênh Nam sông Mực	Đắp đập, đặt 03 máy bơm dầu 190 m ³ /h trên kênh tiêu nội đồng	
		82	45	Đuôi kênh N6, tiểu cầu K15+225H (N6 phụ), kênh Mã Hòm	Nạo vét các kênh tiêu TN, TN3. Đặt 02 máy bơm dầu 320 m ³ /h tại K0+455 và K0+950 kênh tiêu TN1; đặt 03 máy bơm dầu 320 m ³ /h tại K0+700, K1+200, K1+800 kênh tiêu TN3 Tượng Văn	
5	Xã Trường Văn	192,0	140,0			
		65	40	Đuôi kênh TN7, N12C, N12B, N15B kênh Nam sông Mực	Đặt 04 máy bơm dầu 320 m ³ /h tại K18+315H, K17+993H, K17+715H và K15+053T kênh Nam sông Mực	
		40	30	Đuôi kênh N15A, N15B sông Mực	Đặt 02 máy bơm dầu 320 m ³ /h trên kênh tiêu nội đồng	
		42	35	Nhánh tưới đuôi kênh N17 sông Mực và đuôi kênh quay đầu TB Trường Trung	Đặt 02 máy bơm dầu 320 m ³ /h trên kênh tiêu nội đồng	

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
		45	35	Đuôi kênh N14, TN7 sông Mực	Đặt 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h trên kênh tiêu nội đồng và 01 máy bơm dầu 320 m ³ /h tại kênh tiêu Tượng Văn	
D	HỆ THỐNG YÊN MỸ	287,0	243,0			
1	Xã Các Sơn	75,0	55,0			
		20	15	Đuôi kênh C6 hồ Yên Mỹ	Tăng cường dẫn nước về đuôi kênh C6	
		40	30	Đuôi kênh C11-kênh Bồng Bồng	Sử dụng máy bơm điện đặt tại K1+900(T) kênh C11 bơm từ trục tiêu Hao Hao	
		15	10	Đuôi kênh Bồng Bồng	Tăng cường dẫn nước về đuôi kênh Bồng Bồng. Xả nước kênh Bắc Yên Mỹ qua cống xả lũ thượng lưu xi phông Liên Sơn xuống kênh tiêu Đồng Hậu hỗ trợ dâng nước tưới	
2	Phường Ngọc Sơn	102,0	75,0			
		27	20	Kênh B9/5-kênh Bắc Yên Mỹ	Tăng cường dẫn nước	
		25	20	Kênh B9/5-kênh Bắc Yên Mỹ	Sử dụng trạm bơm cá lúa (480 m ³ /h) bơm nước qua cống tiêu Nhật Tân đổ nước xuống trục tiêu. Lắp máy bơm dầu 320 m ³ /h bơm nước từ trục tiêu	
		25	20	Kênh B9-kênh Bắc Yên Mỹ	Sử dụng trạm bơm cá lúa (480 m ³ /h) bơm nước qua cống tiêu Nhật Tân	
		25	15	Đuôi B13-kênh Bắc Yên Mỹ	Tăng cường dẫn nước về đuôi kênh	

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
3	Phường Tân Dân	17,0	10,0	Đuôi kênh Bồng Bồng	Tăng cường dẫn nước về đuôi kênh Bồng Bồng. Xả nước kênh Bắc Yên Mỹ qua cống xả lũ thượng lưu xi phông Liên Sơn xuống kênh tiêu Đồng Hậu hỗ trợ dâng nước tưới	
4	Phường Hải Lĩnh	16,0	15,0	Đuôi B8-kênh Bắc Yên Mỹ	Tăng cường dẫn nước về đuôi kênh	
5	Xã Công Chính	70,0	81,0			
		20	23	Cống đập phụ hồ Yên Mỹ	Lắp máy bơm dầu công suất 320 m ³ /h bơm nước từ lòng hồ Yên Mỹ chảy qua cống đập phụ	
		50	58	Cống đập phụ hồ Yên Mỹ	Lắp máy bơm dầu công suất 320 m ³ /h bơm nước từ lòng hồ Yên Mỹ chảy qua cống đập phụ	
6	Xã Nông Công	7,0	7,0	Cống đập phụ hồ Yên Mỹ	Lắp máy bơm dầu công suất 320 m ³ /h bơm nước từ lòng hồ Yên Mỹ chảy qua cống đập phụ	

**Phụ lục 2: Tổng hợp diện tích có khả năng thiếu nước và xảy ra hạn vụ Xuân
và đầu vụ Mùa năm 2026 - Vùng hồ, đập, công trình thủy lợi nhỏ miền núi và trung du**
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	4.087,57	2.341,27			
1	Xã Vĩnh Lộc	110,0	60,0			
		50	10	Hồ Mang Mang	Đặt 01 máy dầu 600 m ³ /h tại cửa cống phía thượng lưu; kết hợp TB Đồng Chứng của HTX	
		60	50	Hồ Hón Chè	Đặt 01 máy dầu 600 m ³ /h tại cửa cống phía thượng lưu; kết hợp bơm hỗ trợ TB Vĩnh Hưng của HTX	
2	Xã Biện Thượng	20,0	8,0			
		10	5	Hồ Đồng Mục	Đặt 01 máy dầu 600 m ³ /h tại cửa cống phía thượng lưu	
		10	3	Cụm hồ Đá Kẽm, Rát	Đặt 01 máy dầu 600 m ³ /h tại cửa cống phía thượng lưu	
3	Xã Tây Đô	54,97	54,97			
		14,97	14,97	Hồ Quan Nhân	Nạo vét hệ thống kênh mương; hỗ trợ bơm nước từ trạm bơm Yên Tôn	
		40	40	Sông Mã	Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống mương B4	
4	Xã Thành Vinh	26,0	21,0			
		6	6	Hồ Ma Mân		
		10	5	Hồ Hón Ấm		

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
		10	10	Các hồ Rộc Thạ, Rộc Mỗ		
5	Xã Ngọc Trạo	21,5	11,5			
		11,5	11,5	Hồ Chuộn Chè		
		10		Hồ Giếng Ấm		
6	Xã Kim Tân	6,0	6,0	Các hồ Eo Đa, Rộc Chùa		
7	Xã Thạch Quảng	15,0		Hồ Bai Màng		
8	Xã Thạch Bình	130,0	70,0			
		50	30	Hồ Bằng Lợi	Xử lý thâm đập đất chống mất nước và vụ mùa có thể phải chuyển đổi cơ cấu cây trồng	
		80	40	Hồ Xuân Lũng	Vụ mùa có thể phải chuyển đổi cơ cấu cây trồng	
9	Xã Mậu Lâm	177,0	170,0			
		40	40	Ao Ba Lòng, ao Rô	Đặt máy bơm dầu loại 320 m ³ /h bơm nước từ ao Ba Lòng, máy bơm loại 120 m ³ /h bơm nước từ ao Rô	
		20	20	Khe Cầu Trắng	Đặt 02 máy bơm loại 120 m ³ /h	
		50	50	Khe Ao Trăn	Đặt 03 máy bơm loại 180 m ³ /h	

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
		20	20	Hồ Sen	Đặt 02 máy bơm loại 120 m ³ /h	
		40	40	Kênh Chính Mậu Lâm	Đặt máy bơm dầu loại 320 m ³ /h bơm nước từ vị trí K0+500 kênh Chính Mậu Lâm	
		7		Đập Cây Mè	Đẩy nhanh tiến độ thi công	
10	Xã Thanh Kỳ	45,0		Vùng tưới hồ Ao Khoai, hồ Khe Cát, đập Bà Lan, đập Tinh Nguyên	Tu bổ, nạo vét kênh mương; đặt máy bơm dầu để bơm nước chống hạn	
11	Xã Xuân Du	10,0	10,0	Đập Đồng Giữa	Đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng	
12	Xã Yên Thọ	8,0		Vùng tưới hồ Cây Sỏ, hồ Bái Soái, đập Cây Sỏ	Tu bổ và nạo vét kênh mương, hệ thống các công trình trên kênh, đắp bờ vùng, bờ thửa giữ nước chống hạn, đặc biệt các kênh nội đồng chưa được kiên cố hóa	
13	Xã Thượng Ninh	16,0	7,5			
		6	2,5	Các đập Lèn Mát, Đồng Hả, Đồng Mò		
		10	5	Các hồ Đồng Man, Thanh Vân		
14	Xã Như Xuân	150,0	16,5	Các hồ, đập	Thực hiện điều tiết nước tưới hợp lý, ưu tiên nước cho diện tích lúa và cây trồng chủ lực. Chủ động nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy; sửa chữa kịp thời các hư hỏng nhỏ	

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
15	Xã Hóa Quý	55,5	42,0	Các hồ, đập	Thực hiện điều tiết nước tưới hợp lý, ưu tiên nước cho diện tích lúa và cây trồng chủ lực. Chủ động nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy; sửa chữa kịp thời các hư hỏng nhỏ	
16	Xã Xuân Bình	8,2	4,9	Hồ Con Hoẵng, Đồng Cản		
17	Xã Thanh Quân	35,0	12,0			
		15	5	Các đập Xà Xám, Thanh Đồng		
		5	2	Đập Bai Nghín		
		15	5	Đập Bai Tuận		
18	Xã Thanh Phong	25,0	5,0			
		10	3	Các đập Bai O2, Bai Mèn, Bò Cung, Huôi Phai		
		5	0	Đập Thanh Sơn		
		10	2	Đập Khe Chon		
19	Xã Thường Xuân	72,7	30,5	Hồ, đập, trạm bơm	Tăng cường vận hành máy bơm khi nước sông dâng cao, nạo vét kênh, tích nước và tiết kiệm nước	
20	Xã Luận Thành	40,5	40,5	Hồ Quyết Tiến, hồ Trung Tiến, đập Đồng Bướm, đập Đồng Thành, đập Hón Sen (các hồ này không tích nước)	Tu bổ, nạo vét kênh mương; đặt máy bơm dầu để bơm nước chống hạn	

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
21	Xã Vạn Xuân	16,0	16,0	Đập Mường	Nạo vét kênh mương nội đồng, khơi thông dòng chảy, tưới luân phiên	
22	Xã Bát Mọt	93,0	93,0	Đập mương Na Pà, kênh mương Na Puốc; kênh Tá Luông, kênh Na Lon	Gia cố, tu sửa, chống rò rỉ, thất thoát nước; nạo vét, đào đắp lại để tích trữ nước	
23	Xã Thạch Lập	13,7		Hồ Bai Ngọc	Đối với công trình hồ Bai Ngọc, đã tổ chức đắp tôn cao ngưỡng tràn cuối mùa mưa, tích thêm lượng nước để khắc phục tình trạng thiếu nước	
24	Xã Kiên Thọ	20,0	10,0	Đập Văn Thanh	Đắp đập, đặt máy bơm dầu	
25	Xã Ngọc Liên	28,2	2,5			
		15		Liên Hồ Bai Lim, Bai Manh	Đặt máy bơm dầu, bơm nước từ hồ Bai Lim sang hồ Bai Manh khi hồ Bai Manh thiếu nước	
		13,2	2,5	Hồ Đồng Châu, hồ Ngọc Khèo, đập Gò Náo	Tưới luân phiên, tiết kiệm, chuyển cơ cấu cây trồng	
26	Xã Minh Sơn	34,2	34,2	Hồ Bai Báy, Cao Thuận	Tưới tiết kiệm, tận dụng nguồn nước ở các mó nước, mạch nước các khe để cung cấp khi thiếu nước	
27	Xã Tượng Lĩnh	133,4	133,4			
		60	60	Các hồ Khe Than, Khe Ba, Đồng Húng,...		
		73,4	73,4	Các hồ Đồng Vễn, Quang Vinh,...		
28	Xã Công Chính	328,3	328,3			

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
		180	180	Các hồ Đồng Trầu, Đá Dựng, Nổ Cái,...		
		78	78	Các hồ Chai, Cồn Cát, Trại Lợn,...		
		70,3	70,3			
29	Xã Thăng Bình	55,8	55,8			
		15	15			
		40,8	40,8	Hồ Đá Đứng		
30	Xã Nông Cống	100,0	90,0			
		35	35	Các hồ Đồng Thọ, Khe Muôn		
		65	55	Đập Khe Ruồn I, II, III		
31	Xã Tân Ninh	40,0	20,0			
32	Xã Thọ Ngọc	15,0		Các hồ Quảng, Đồng Cồ		
33	Xã Hợp Tiến	155,0	45,0			
		40	15	Các hồ, đập: hồ Phú Thôn, đập Ông Lới,...		
		50	10	Hồ Hòa Phú		
		25	5	Các hồ Bến Đá, 6/1, Quang Trung,...		
		20	10	Các hồ Đồng Lầy, Vạn Thắng,...		

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
		20	5	Các hồ Đồng Tâm, Ông Hoạt, Nấp Mới,...		
34	Xã Sao Vàng	50,0	50,0	Các hồ Vĩnh Chinh, Đội 16, Đồng Trường,...		
35	Xã Xuân Phú	60,0	60,0	Các hồ, đập: hồ Làng Sung, hồ Làng Bài, hồ Đồng Lánh, đập Bai Sung, đập Ông Bô, đập Đùi Ếch,...		
36	Xã Thọ Lâm	70,0	70,0	Các hồ, đập: hồ Thanh Cát, hồ Đồi Gác, hồ Núi Chè 2, đập Thành Sơn,...		
37	Xã Xuân Tín	20,0	10,0	Hồ Làng Mọ	Lắp đặt máy bơm dầu (02 máy x 320 m ³ /h) lấy nước từ hồ Làng Mọ	
38	Xã Điền Quang	8,5	8,5	Kênh đông đập Bai Điền	Nạo vét cục bộ kênh đông đoạn K0+200-K0+460	
39	Xã Bá Thước	18,0	18,0			
		5	5	Kênh Tây đập Chiềng Lau	Nạo vét cục bộ kênh Tây đoạn K0+200-K0+400	
		13	13	Đập mương Pát, đập Sắt	Xây dựng, nâng cấp hệ thống mương Pát; hỗ trợ điện để bơm chống hạn mỗi khi thiếu nước; về lâu dài đề nghị đầu tư trạm bơm điện	
40	Xã Thiết Ống	8,0	8,0	Các hồ Sặng, hồ Khuân, hồ Chun, hồ Tầm	Tưới tiết kiệm	

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
41	Xã Hồi Xuân	6,0	6,0	Chủ yếu là các đập, bai nhỏ trên địa bàn	Chuyển trồng cây màu ngắn ngày	
42	Xã Phú Xuân	5,5	5,5	Chủ yếu là các đập, bai nhỏ trên địa bàn		
43	Xã Nam Xuân	4,0	4,0	Chủ yếu là các đập, bai nhỏ trên địa bàn		
44	Xã Sơn Điện	22,0	22,0	Hệ thống mương tưới		
45	Xã Trung Hạ	29,7	29,7	Đập, mương nhỏ		
46	Xã Sơn Thủy	16,5	11,5	Đập, mương nhỏ		
47	Xã Quan Sơn	15,0	10,0	Đập, mương nhỏ	Nạo vét bùn, đất thượng lưu đập, lòng kênh	
48	Xã Mường Lát	20,0	20,0	Hệ thống thủy lợi Tén Tẩn	Nạo vét bùn, đất trong lòng kênh	
49	Xã Nga Sơn	12,0		Sông Hoạt		
50	Xã Hồ Vượng	105,0		Sông Hoạt		
51	Xã Nga Thắng	62,0				
		20		Sông Hoạt	Đặt 03 máy bơm dầu	
		25		Sông Hoạt	Đặt 03 máy bơm dầu	
		17		Sông Hoạt	Đặt 03 máy bơm dầu	
52	Xã Nga An	50,0		Sông Hoạt		

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
53	Xã Hà Long	100,0				
		55		Sông Hoạt	Nạo vét kênh dẫn nước vào trạm bơm	
		22		Sông Hoạt	Nạo vét kênh dẫn nước vào trạm bơm	
		12		Hồ Cửa Khâu	Nạo vét kênh dẫn nước vào ruộng	
		11		Hồ Cửa Khâu	Nạo vét kênh dẫn nước vào ruộng	
54	Xã Tống Sơn	204,0	64,0			
		100		Kênh Bồng Khê (Tiên Hòa 1, Tiên Hòa 2, Tiên Hòa 3, Tiên Hòa 4)		
		30		Hồ Bì Bùng 2 (Đồng Sóc)		
		15		Sông Thuận		
		10	10	Hồ Bì Bùng 1 (Vùng Ngán)		
		41	9	Hồ Vững Dăm (Mả Bái, Đồng Lạng, Mười phần trăm, Cánh Buồm, Hang Phân, Đồng Đồi Bái Lân, Hang Dành)		
		8	5	Hồ Đình Phe (Đồng Xoài, Cánh Buồm)		

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
			40	Hồ Miếu (Đồng Xoài-Vỹ Liệt, Đồng Cổ-Tam Quy, Đồng Thức, Đồng De-Tam Quy, Đồng Đồi-Quan Tương, Gò Văn Đô Mỹ, Nước Mạ-Tân Sơn, Đồng Mổ-Tân Sơn, Tam Quy)		
55	Xã Hà Trung	70,0	60,0	Sông Lèn		
56	Xã Hoạt Giang	129,4				
		76,4		Trạm bơm		
		53		Sông Hoạt		
57	Xã Hậu Lộc	5,0		Thôn Bộ Đầu, thôn Nhuệ Thôn		
58	Xã Hoa Lộc	324,0		Nước sông Lèn	Diện tích cần đặt máy bơm dầu: TB Quang Lộc 72 ha, TB Liên Lộc 30 ha	
59	Xã Hoằng Lộc	30,0	15,0	Nước sông		
60	Xã Hoằng Châu	33,0	20,0	Nước sông Mã		
61	Xã Hoằng Tiến	100,0	60,0	Các hồ Hoằng Hải, Hoằng Yên		
62	Xã Hoằng Thanh	20,0	10,0	Sông Mã, sông Cung		

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
63	Phường Nguyệt Viên	60,0	60,0	Kênh N22-8 (phía đuôi kênh, tập trung tại xứ đồng vùng cao của phường Hoằng Đại)		
64	Phường Quang Trung	45,0	20,0	Nước sông Tam Điệp		
65	Phường Bim Sơn	55,0		Sông Hoạt, sông Tam Điệp		
66	Xã Trường Lâm	105,0	80,0			
		35	25	Kênh N2 hồ Kim Giao 2	Tăng cường dẫn nước về đuôi kênh	
		30	25	Kênh N1 hồ Kim Giao 2	Bổ sung nước từ trạm bơm Bến Sen	
		15	10	Đuôi kênh hồ Khe Tuần	Tăng cường dẫn nước về đuôi kênh	
		25	20	Hồ Thạch Luyện	Lắp máy bơm điện bơm nước từ lòng hồ qua kênh dẫn chảy vào cống	
67	Phường Trúc Lâm	121,0	103,0			
		14	7	Đuôi kênh chính hồ Khe Tuần	Tăng cường dẫn nước về đuôi kênh	
		15	15	Hồ Khe Dứa	Nạo vét kênh dẫn từ lòng hồ vào bể hút trạm bơm để bơm nước tưới	
		48	40	Hồ Thung Sâu	Lắp máy bơm dầu công suất 320 m ³ /h bơm nước từ hồ Dự Quần	
		13	13	Hồ Khe Đồi	Lắp máy bơm dầu công suất 320 m ³ /h	
		20	28	Cống phía tả hồ Khe Trầu	Lắp máy bơm dầu công suất 320 m ³ /h bơm nước từ lòng hồ qua kênh dẫn chảy vào cống	
		5		Hồ Dự Quần	Cần nạo vét lòng hồ	
		6		Hồ Khe Dẻ	Cần nạo vét lòng hồ	
68	Xã Cẩm Thạch		60,0			

TT	Tên đơn vị	Diện tích có khả năng thiếu nước (ha)	Diện tích có khả năng xảy ra hạn, ảnh hưởng đến năng suất (ha)	Nguồn cấp nước	Đề xuất biện pháp khắc phục	Ghi chú
			15	Hồ Duồng Cốc	Đắp đập và lắp đặt máy bơm dầu tại khe Vinh bơm tưới cho diện tích thôn Vinh; lắp đặt máy bơm dầu tại kênh Chính B bơm tưới cho khu Đồng Chợ	
			45	Sông Mã	Lắp đặt máy bơm dầu tại cuối kênh Bắc bơm tưới cho khu diện tích thôn 5 Bình Hòa	
69	Xã Cẩm Tú	30,0	19,0			
			5	Sông Mã	Lắp đặt máy bơm dầu tại cuối kênh Bắc bơm tưới cho thôn Làng Mới	
		12	5	Hồ Lương Ngọc		
		8	4	Hồ Hai Dòng		
		10	5	Đập Bai Bông		
70	Xã Cẩm Tân		16,0			
			6	Sông Mã	Đắp đập và lắp đặt máy bơm dầu tại kênh tiêu bơm tưới cho khu Bến Đá, Lữ Trung	
			7	Hồ Đồng Lóc	Khi xảy ra hạn hán dùng máy bơm dã chiến bơm từ Bai Mới để tưới	
			2	Hồ Dọc Kết	HTX đắp tạm bai đất (Bai Kha) để tích nước tưới cho vùng bị hạn	
			1	Hồ Bai Mọ	Đắp tạm bai đất tích nước tưới, ưu tiên nước để sản xuất	
71	Xã Cẩm Vân	15,0	15,0	Hồ Vụng Vả		
72	Xã Cẩm Thủy		7,5	Sông Mã	Lắp đặt máy bơm dầu tưới cho diện tích vùng cao	

Phụ lục 3: Tổng hợp danh mục các trạm bơm có khả năng ảnh hưởng thủy triều, mặn ảnh hưởng đến sản xuất
 (Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên trạm bơm	Năm xây dựng	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ		Quy mô		Ghi chú
				Diện tích tưới thiết kế (ha)	Diện tích tưới thực tế (ha)	Số máy	Q/1 máy (m³/h)	
I	LẤY NƯỚC TỪ SÔNG MÃ, SÔNG CHU							
1	TB Hoàng Khánh	1970	Xã Hoàng Giang	11.815	10.593	7	8.000	
2	TB Trà Sơn	1978	Xã Hoàng Giang	40	32	1	1.000	
3	TB Hoàng Giang	1981	Xã Hoàng Giang	1.860	124	8	6x1.120+2x1.400	
4	TB Hoàng Long	1980	Phường Nguyệt Viên	140	56	2	1.120+1.400	
5	TB Yên Vực	1980	Phường Nguyệt Viên	194	43	1	1.200	
6	TB Nguyệt Viên	1989	Phường Nguyệt Viên	150	98	2	1.000	
7	TB Thiệu Thịnh	1988	Xã Thiệu Quang	137,5	129,5	2	900	
8	TB Sử Nhân	1998	Xã Thiệu Quang	43,32	52,4	2	980	
9	TB Thiệu Quang 1	1973	Xã Thiệu Quang	368,9	371,1	4	980	
10	TB Thiệu Quang 2	1977	Xã Thiệu Quang	91,2	96,2	1	980	
11	TB Thiệu Giang 1	1978	Xã Thiệu Quang	129	62,4	2	980	
12	TB Thiệu Giang 2	1987	Xã Thiệu Quang	339,52	336,9	5	900	
13	TB Phú Ninh	2018	Xã Định Hòa	100	110, 6	2	1.100	
14	TB Quan Yên	1987	Xã Định Hòa	40	37,9	1	700	
15	TB Yên Hoành	1984	Xã Định Tân	70	53,8	3	980&470	
16	TB Mã Bái	1976	Xã Định Hòa	125	134,5	2	1.000	
17	TB Hội Trường	1990	Xã Định Hòa	25	12	1	540	

TT	Tên trạm bơm	Năm xây dựng	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ		Quy mô		Ghi chú
				Diện tích tưới thiết kế (ha)	Diện tích tưới thực tế (ha)	Số máy	Q/1 máy (m ³ /h)	
18	TB Vĩnh Hùng	1982	Xã Biện Thượng	2.000	356,5	8	980	
19	TB Hàm Rồng	1978	Phường Hàm Rồng	80	72	2	1.000	
20	TB Hoàng Hợp	1995	Xã Hoàng Giang	15	14	1	1.000	
21	TB Vạn Sơn	1992	Phường Hạc Thành	100	90	2	1.000	
22	TB Hoàng Đại	1968	Phường Nguyệt Viên	110		1	1.400	
23	TB Nam Ngạn	1987	Phường Hàm Rồng	110		1	1.400	
II	LẤY NƯỚC TỪ SÔNG CÀN							
1	TB Nga Phú	1986	Xã Nga An	1.350	467	6	4x1.120+2x1.400	
2	TB Nga Điền 1	1980	Xã Nga An	20	18	1	1.120	
3	TB Nga Điền 2	1980	Xã Nga An	34	36	2	1.120	
III	LẤY NƯỚC TỪ SÔNG HOÀNG							
1	TB Thắng Phú		Xã Quảng Ngọc	122	122	2	1.000+1.200	
2	TB Quảng Phúc	1987	Xã Quảng Ngọc	104	104	2	1.200	
3	TB Phúc Tâm		Xã Quảng Ngọc	72	72	1	1.200	
4	TB Xóm 6 ĐT	1986	Xã Đồng Tiến	30	30	1	1.000	
5	TB Đồng Tiến 1	1986	Xã Đồng Tiến	73	73	1	1.400	
6	TB Đồng Tiến 2	1986	Xã Đồng Tiến	50	50	1	1.000	
7	TB Quảng Vọng	1984	Xã Quảng Ngọc	145	131	2	1.000	
8	TB Quảng Văn		Xã Quảng Ngọc	70	63	2	1.000	
9	TB Đuôi N15	1991	Xã Đồng Tiến	74	67	1	1x1.400	

TT	Tên trạm bơm	Năm xây dựng	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ		Quy mô		Ghi chú
				Diện tích tưới thiết kế (ha)	Diện tích tưới thực tế (ha)	Số máy	Q/1 máy (m³/h)	
IV	LẤY NƯỚC TỪ SÔNG HOẠT							
1	TB Nga Vịnh 1	1981	Xã Ba Đình	360	296	4	3x1.120+1x1.400	
2	TB Nga Thiện	1989	Xã Ba Đình	450	342	6	2.500	
3	TB Xa Loan	2012	Xã Nga Thắng	4.770	4.821	6	4.000	
4	TB Triết Giang	2023	Phường Bim Sơn	1.468	1.950	3	3x12.500	
5	TB Dã Chiến Nga Thắng	2015	Xã Nga Thắng	365	365	3	1.120	
6	TB Cống Đá (Hà Châu 1)	1985	Xã Lĩnh Toại	400	245	5	1.200	
7	TB Đô Mỹ	1992	Xã Tổng Sơn	70	52,5	3	1.400	
V	LẤY NƯỚC TỪ SÔNG LÈN							
1	TB Đại Lộc	1984	Xã Triệu Lộc	1.575	896	10	4x1.400+6x1.120	
2	TB Vực Bà	1980	Xã Nga Thắng	800	263	8	8x1.400	
3	TB Thiều Xá	1988	Xã Đông Thành	650	212	4	1x1.000+4x1.400	
4	TB Quang Lộc	1980	Xã Hoa Lộc	278	104	2	1.120	
5	TB Vạn Đề	1990	Xã Hà Trung	715	385	3	1.400	
6	TB Châu Tử	1978	Xã Triệu Lộc	70	70	1	1.000	
7	TB Phong Lộc	1978	Xã Đông Thành	172	103	2	1x1.000+1x1.400	
8	TB Liên Lộc 2	1987	Xã Hoa Lộc	169	85	2	1.400	
9	TB Chuế Cầu	2024	Xã Hà Trung	100	100	1	1.400	
10	TB Hà Phú	1998	Xã Lĩnh Toại	947	557	7	1.400	
11	TB Cống Phủ 1	1990	Xã Hà Trung	2.097	1.036	7	2.400	
12	TB Cống Phủ 2	2011	Xã Hà Trung	4.414	1.470	4	4.000	

Phụ lục 4: Danh mục các trạm bơm lấy nước từ sông Mã và sông Chu
 (Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên trạm bơm	Năm xây dựng	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ		Quy mô		Ghi chú
				Diện tích tưới thiết kế (ha)	Diện tích tưới thực tế (ha)	Số máy	Q/1 máy (m³/h)	
I	LẤY NƯỚC TỪ SÔNG MÃ							
1	TB Cẩm Tân II	1988	Xã Cẩm Tân	120	61	2	1.000	2 máy bơm nối tiếp 1.000 m³/h
2	TB Nghĩa Dũng	1986	Xã Cẩm Thủy	48	43	1	1.000	
3	TB Cẩm Vân 2	1984	Xã Cẩm Vân	110	99	1	1.000	
4	TB Cẩm Vân 3	1985	Xã Cẩm Vân	88	79	1	1.000	
5	TB Cẩm Vân 4	1987	Xã Cẩm Vân	117	105	1	470	
6	TB Cẩm Giang I	1997	Xã Cẩm Tú	211	135	3	2x1.000+1x470	2 máy nối tiếp 1.000 m³/h và 1 máy bơm tăng áp 470 m³/h
7	TB Cẩm Bình	1997	Xã Cẩm Thạch	300	165	1	2.000	
8	TB Cẩm Sơn	1997	Xã Cẩm Thủy	220	135	1	2.000	
9	TB Cẩm Tân 1	1998	Xã Cẩm Tân	218	133	1	2.016	
10	TB Cẩm Vân	1997	Xã Cẩm Vân	393	111	1	1.870	
11	TB Cẩm Giang II	1997	Xã Cẩm Tú	126	90	1	2.000	
12	TB Làng Năm	2000	Xã Cẩm Thạch	25	23	1	1.000	
13	TB Đại Đồng 3	1995	Xã Cẩm Thủy	16	14	1	470	
14	TB Cầu Mây	1992	Xã Cẩm Thủy	26	23	1	470	
15	TB Làng Kim (Cẩm Ngọc 1)	1999	Xã Cẩm Thủy	23	21	2	1.000	

TT	Tên trạm bơm	Năm xây dựng	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ		Quy mô		Ghi chú
				Diện tích tưới thiết kế (ha)	Diện tích tưới thực tế (ha)	Số máy	Q/1 máy (m ³ /h)	
16	TB Làng Bèo	2003	Xã Cẩm Thạch	11	11	1	1.000	
17	TB Làng Bọt	2005	Xã Cẩm Thạch	8	8	2	1.000	
18	TB Kim Mắm	2004	Xã Cẩm Tú	70	70	2	1.000	
19	TB Lương Thuận	2004	Xã Cẩm Tú	50	50	2	1.000	
20	TB Sủ Xuyên	2002	Xã Cẩm Tú	18	18	1	1.000	
21	TB thôn Bắc Sơn	1993	Xã Cẩm Tú	80	75	1	1.000	
22	TB thôn Liên Sơn	2021	Xã Cẩm Tú	150	100	1	1.000	
23	TB thôn Vọng	2010	Xã Cẩm Tú	45	35	1	1.000	
24	TB Sun	2002	Xã Cẩm Tú	20	20	1	470	
25	TB Đồng Chan	2005	Xã Cẩm Thủy	12	12	1	470	
26	TB Làng Song (Cẩm Ngọc 2)	2001	Xã Cẩm Thủy	20	20	1	470	
27	TB Sông Mã 1	1985	Xã Vĩnh Lộc	33	30	1	470	
28	TB Vĩnh Minh	1986	Xã Biện Thượng	300	270	4	1.000	
29	TB Yên Tôn 1	1991	Xã Tây Đô	506	455	11	800	
30	TB Yên Tôn 2	1992	Xã Tây Đô	625	563	4	2.400	
31	TB Ninh Khang	2003	Xã Vĩnh Lộc	251	226	3	1.100	
32	TB Vĩnh Hùng	2002	Xã Biện Thượng	369	332	8	980	
33	TB Dã Chiến Vĩnh Hùng	2007	Xã Biện Thượng	369	332	4	980	
34	TB Giang Đông	2003	Xã Vĩnh Lộc	200	200	2	800	
35	TB Vĩnh An	2004	Xã Biện Thượng	150	150	2	1.000	

TT	Tên trạm bơm	Năm xây dựng	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ		Quy mô		Ghi chú
				Diện tích tưới thiết kế (ha)	Diện tích tưới thực tế (ha)	Số máy	Q/1 máy (m³/h)	
36	TB Phi Bình	2009	Xã Vĩnh Lộc	100	100	1	450	
37	TB Nam sông Mã	1962	Xã Yên Trường	6.586	1.227,9	5	7.100	
38	TB Định Hải	1988	Xã Định Tân	800	174,3	10	800	
39	TB Quan Yên	1990	Xã Định Hòa	26	23	1	700	
40	TB A Lãng	1986	Xã Quý Lộc	286	237,8	3	470	
41	TB Định Tiến	1982	Xã Định Tân	540	486	4	4.000	
42	TB Đa Nê	1990	Xã Quý Lộc	250	225	2	2.000	
43	TB Đồn Trang	1993	Xã Quý Lộc	554,7	156,3	10	1.100	
44	TB Yên Hoàn	1995	Xã Định Tân	70	53,8	3	980&470	
45	TB tưới Thiệu Thịnh	1985	Xã Thiệu Quang	137,5	129,5	2	900	
46	TB Hoằng Hợp	1995	Xã Hoằng Giang	15	14	1	1.000	
47	TB Hoằng Khánh	2010	Xã Hoằng Giang	80	80	1	500	
48	TB Hoằng Khánh	1970	Xã Hoằng Giang	11.815	10.593	7	8.000	
49	TB Trà Sơn	1978	Xã Hoằng Giang	40	32	1	1.000	
50	TB Hoằng Giang	1981	Xã Hoằng Giang	1.860	124	8	6x1.120+ 2x1.400	
51	TB Hoằng Phượng		Xã Hoằng Giang	25	23	1	1.000	
52	TB Hoằng Long 2	1980	Phường Nguyệt Viên	5	5	1	540	
53	TB Hoằng Long	1980	Phường Nguyệt Viên	140	56	2	1.400+ 1.120	
54	TB Yên Vực	1980	Phường Nguyệt Viên	194	37	1	1.200	

TT	Tên trạm bơm	Năm xây dựng	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ		Quy mô		Ghi chú
				Diện tích tưới thiết kế (ha)	Diện tích tưới thực tế (ha)	Số máy	Q/1 máy (m ³ /h)	
55	TB Nguyệt Viên	1989	Phường Nguyệt Viên	150	98	2	1.000	
56	TB Hàm Rồng	1978	Phường Hàm Rồng	80	72	2	1.000	
II	LẤY NƯỚC TỪ SÔNG CHU							
1	TB Thọ Thanh	1977	Xã Thường Xuân	350	27	1	1.000	
2	TB Tổ Rồng	1998	Xã Thường Xuân	120	32	2	470	
3	TB Xuân Hòa	1982	Xã Xuân Hòa	300	270	5	540	
4	TB Xuân Lam	1977	Xã Lam Sơn	165	149	2	1.000	
5	TB Thọ Trường I	1988	Xã Xuân Lập	60	54	1	1.000	
6	TB Xuân Thành	1995	Xã Thọ Xuân	600	570	4	1.500	
7	TB Thiệu Ngọc	1986	Xã Thiệu Tiến	169	152	3	1.000	
8	TB Sử Nhân	1998	Xã Thiệu Quang	54	48	5	1.000	
9	TB Thiệu Châu	2000	Phường Đông Tiến	250	250	4	1.000	
10	TB Thiệu Phúc 1	1985	Xã Thiệu Hóa	310	279	3	1.000	
11	TB Thiệu Hưng	1980	Xã Thiệu Hóa	550	495	6	1.000	
12	TB Thiệu Nguyên	1983	Xã Thiệu Hóa	250	225	2	1.000	
13	TB Thiệu Dương	1987	Phường Hàm Rồng	300	286	5	1.000	